

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Tùng
Bà Lê Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tố Loan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa: Ông Nguyễn Đình Hà - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị D, sinh năm 1993.(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1995.(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện qua thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn ngày 07/7/2017 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia chồng tại xã T. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay chửi bới xúc phạm nhau, chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Ngọc T.

Về con chung: Chị và anh Lê Ngọc T không có con chung, hiện tại chị D không có thai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Lê Ngọc T. Anh T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, anh T không có ý kiến gì. Anh T không đến Tòa án để tự khai cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ do gia đình và địa phương cung cấp thể hiện: Về hôn nhân: anh T và chị D đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình chồng ở thôn N, xã T. Quá trình chung sống anh chị bình thường, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và chị D đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay. Nay chị D xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh T, chị D chưa có con chung. Về tài sản, công nợ: anh T, chị D không có tài sản hay công nợ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với bị đơn, về con chung, về tài sản và công nợ vợ chồng không có nên không yêu cầu giải quyết. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa ngày 25/4/2024 đã hoãn phiên tòa lần thứ 1 do bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; Các Điều 227; 228; 271; 273; 278; 280 BLTTDS; Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận đề nghị của chị Lê Thị D xin ly hôn anh Lê Ngọc T.

Về con chung: Chị D và anh T chưa có con chung nên không xem xét.

Về tài sản và công nợ: Chị D và anh T không có tài sản, công nợ nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Lê Thị D và bị đơn anh Lê Ngọc T là Tranh chấp về Ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

* *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị D và anh Lê Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Đến đầu năm 2019 thì chị D về nhà mẹ đẻ sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh T, sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, anh T không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành phiên hòa giải được. Điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ. Việc chị D trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thực trạng hôn nhân phù hợp với xác minh tình trạng hôn nhân chị D, anh T tại gia đình và địa phương. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị D được ly hôn anh T là phù hợp.

* *Về con*: Chị D và anh T chưa có con chung và hiện tại chị D không có thai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản*: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

* *Về công nợ*: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị D được ly hôn anh Lê Ngọc T.
2. Về con chung: Chị D và anh T chưa có con chung, hiện tại chị D không có thai nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001792 ngày 18/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị : Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa
- UBND xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Liên